TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/8/2022
" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Luật;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;
Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1992
HKTT: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị.
Nơi ở hiện nay: Thôn Tam Đ, xã Q, huyện Tr, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1989.
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị.
Địa chỉ hiện nay: Đang xuất khẩu lao động, làm việc tại Đài Loan (không rõ địa chỉ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Ngày 25/11/2013, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gio Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Do điều kiện gia đình, anh Nguyễn Văn L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2016 đến nay. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn

lại với nhau, khi chị L liên lạc qua mạng xã hội thì anh L nói không về. Tình cảm vợ chồng ngày càng ít quan tâm, chăm sóc nhau.

Do anh L qua Đài Loan đã thay đổi chỗ làm và không cung cấp được địa chỉ nơi ở cho chị L biết nên chị L không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở đâu.

Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 17/5/2014. Nếu ly hôn thì chị L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ly. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ly đến tuổi thành niên.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L không có ý kiến trình bày gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/6/2022, bà Dương Thị Th (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L) có ý kiến như sau:

Gia đình bà Th đã nhận được Thông báo số 31/TB-TLVA ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thụ lý giải quyết vụ án "ly hôn và tranh chấp nuôi con" giữa chị L với cháu Lâm. Gia đình đã gọi điện thoại và thông báo cho anh L biết việc chị L có đơn xin ly hôn nhưng anh L bận lao động nên không sắp xếp về nước để giải quyết việc ly hôn được.

Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Văn L tại Đài Loan, nhưng anh L và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook, Zalo.

Nay chị Lê Thị L xin ly hôn cháu Nguyễn Văn L thì gia đình bà Th không có ý kiến gì, hai vợ chồng tự quyết định chuyện tình cảm vợ chồng, riêng cháu Nguyễn Thị Khánh L thì gia đình bà Th có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ly, vì cháu ở với ông bà nội từ nhỏ cho đến nay.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L với anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian thì anh Nguyễn Văn L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó cả hai không sống chung và ít liên lạc với nhau trong một thời gian dài, anh Nguyễn Văn L hiện đang sinh sống tại Đài Loan nên tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẩn, ít quan tâm chăm sóc nhau.

Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn

nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 17/5/2014 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Khi chị Lê Thị L nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn L, thì anh L đang lao động tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị L và gia đình anh L không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của anh Nguyễn Văn L vẫn thường xuyên liên lạc với anh L qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho mẹ của anh L thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử; gia đình cam đoan thông báo các văn bản tố tụng cho anh L biết, nhưng anh L không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn, chị L cho rằng vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ít quan tâm, liên lạc với nhau và không thể hàn gắn tình cảm. Anh L đi lao động ở

nước ngoài ít có điều kiện về thăm gia đình, chăm sóc vợ con. Nguyên đơn có nguyện vọng muốn được ly hôn là yêu cầu chính đáng.

HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng ít quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 17/5/2014, khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, hàng tháng anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Thị Khánh L cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 17/5/2014 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Khánh L hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000115 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Chị L đã nộp đủ).

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QTrị;
- UBND xã Gio Việt, huyện Gio Linh;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Luật